

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2017
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;

2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như , Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Tòng, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2017/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: Tổ 0, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú: Tổ 0, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào năm 2013. Quá trình chung sống cũng hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do không hợp nhau, anh T sống không có trách nhiệm với gia đình không chăm lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu, ăn chơi về chửi bới và đuổi chị đi. Mặc dù, chị cũng có khuyên ngăn nhưng anh vẫn không thay đổi. Nay chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh là Nguyễn Văn T.

- Về con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng với nhau chị và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2013 và cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2015. Hiện cháu H và cháu B đang sống cùng với chị, nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 5 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng anh thấy cũng hạnh phúc cho đến nay, không có mâu thuẫn gì, chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hằng ngày, anh thừa nhận do anh thường hay đi chơi đánh bài nhậu nhẹt say sấn nên vợ chồng mới mâu thuẫn. Nay chị N yêu cầu xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, con và mong chị N cho cơ hội để về đoàn tụ vợ chồng để anh lo cho gia đình.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng với nhau anh và chị Nguyễn Thị N có hai con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2013 và cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2015. Hiện cháu H và cháu B đang sống với chị N. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H và cháu B, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Giao cháu Nguyễn Minh H và cháu Nguyễn Thị B cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2009 có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy quá trình chung sống vợ chồng giữa chị N và anh T thường xuyên mâu thuẫn anh T ăn chơi sống không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu về đuổi chị đi, mặc dù chị N nhiều lần khuyên ngăn, cho anh cơ hội sửa đổi, chị đã từng làm đơn ly hôn nhiều lần với anh T nhưng chị lại rút đơn và muốn cho anh T một cơ hội sửa chữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau có hai con chung cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2013 và cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2015. Chị N và anh T đều có nguyện vọng được nuôi

con chung. Qua xác minh xét thấy hiện nay hai con chung còn nhỏ và đang sống cùng với chị N điều này cũng được anh T thừa nhận, chị N có nơi ở và thu nhập ổn định, để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường cho cháu H và cháu B, nên giao cháu H và cháu B cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị N đã được giải thích về quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng chị N vẫn không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng Nguyễn Minh H, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2013 và cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2015.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chị Nguyễn Thị N chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai số 0004119

ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT ;
- VKS huyện, tỉnh TN;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND Thị Trấn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (N³).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nam